

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XM  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST

Ngày: 29-6-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Cù Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, (tên gọi khác C Lân) sinh năm 1998 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp PT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 và bà Hồ Thị C, sinh năm 1973; vợ, con: Không; Tiền sự: Không

Tiền án:

Ngày 21/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 58/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 29/4/2020 bị Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 15/2020/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2021.

Bị bắt ngày 03-2-2022. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giam Công an huyện XM (có mặt).

2. Đinh Công Tr, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1995 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp PV, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ; con: Không;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 06/2014/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù và nghĩa vụ án phí.

Ngày 14/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo Bản án số 47/2014/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù và nghĩa vụ án phí.

Bị bắt ngày 03-02-2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện XM (có mặt).

3. Nguyễn Công V, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2002 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp PV, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: cơ khí; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12 dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Tr, sinh năm 1973 và bà Lê Thị A, sinh năm 1983; vợ; con: Không; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 03-02-2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện XM (có mặt).

- Bị hại:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp PhT, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Anh Cao Văn C, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp PH, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Võ Văn Th, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp PQ, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (anh Thái có mặt, chị Loan vắng mặt).

Anh Phạm Minh T, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Ấp PV, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: 432/6 X, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt.)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 09/12/2021 Nguyễn Văn C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ Đinh Công Tr đi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn T để trộm cắp tài sản. Đến nơi, Tr đứng ngoài cảnh giới còn C đột nhập vào nhà ông T lén lút đi vào phòng ngủ chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 màu đen và số tiền 5.500.000đ rồi tẩu thoát. Sau đó, C bán điện thoại cho cho một người tên Tiến (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.500.000đ, C và Tr đã tiêu xài hết số tiền trộm cắp được.

Quá trình điều tra C còn khai nhận, vào ngày 26/01/2022, C rủ Nguyễn Công V đi trộm cắp tài sản. Vũ điều khiển xe mô tô biển số 60B8-858-98 chở C đến khu vực thuộc Ấp PH, xã HH thì phát hiện sân nhà anh Cao Văn C có 01 xe mô tô biển số 72G1-686.17 đang dựng tại sân nhà không có người trông coi. Lúc này, Vũ đứng ngoài cảnh giới, C đi bộ vào lén lút dẫn xe mô tô của anh Cẩn đẩy ra ngoài. Do xe không có chìa khóa, C ngồi lên xe vừa trộm được để Vũ điều khiển xe mô tô của Vũ chạy đẩy xe về nhà C cất dấu. Đến sáng ngày 27/01/2022 C, Vũ đã thay đổi dàn áo xe mô tô, biển số 72G1-686.17 bằng dàn áo xe khác của C, tháo biển số xe mô tô bỏ vào cốp xe và nối lại dây điện để nổ máy xe. Sau đó, C sử dụng xe mô tô trộm được để đi chơi, khoảng 23 giờ ngày 01/02/2022 C điều khiển xe mô tô biển số 72G1-686.17 đến nhà Phạm Minh T để chúc tết, tại đây Tú dùng xe của mình chở C đi nhậu, xe mô tô biển số 72G1-686.17 C để lại nhà Tú. Ngoài ra, vào ngày 24/01/2022 C và Tr còn lén lút đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn T để trộm cắp tài sản nhưng chưa lấy được tài sản, sợ bị phát hiện nên đã tự ý bỏ về.

Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 23/2/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện XM kết luận: 01 xe mô tô biển số 72G1-686.17 trị giá 15.650.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 23/2/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện XM kết luận: Điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A12 màu đen, trị giá 3.493.000đ.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng như sau:

Thu giữ của Nguyễn Văn C 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 048915 biển số đăng ký 72G1-686.17 mang tên Cao Văn C; 01 điện thoại Iphone 7Plus màu đen; 01 ví da bên trong có số tiền 1.136.000đ;

Thu giữ của Phạm Minh T 01 xe máy, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius biển số đăng ký 72G1-686.17;

Thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc L 01 xe mô tô biển số 60B8-858.98 nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSX; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 034384 biển số đăng ký 60B8-858.98; 01 giấy có ghi chữ giấy bán xe, tại giấy thể

hiện người bán Nguyễn Công V, người mua Võ Văn Th, tài sản bán là xe honda biển số 60B8-858.98 ngày 30/01/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo C và Tr trả lại số tiền 5.500.000đ và giá trị chiếc điện thoại Samsung GalaxyA12 màu đen là 3.493.000đ. Tổng cộng là 8.993.000đ. C và Tr đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Anh Cao Văn C yêu cầu nhận lại chiếc xe máy biển số 72G1-686.17 và giấy đăng ký xe mang tên Cao Văn C, đồng thời yêu cầu bị cáo C và Vũ bồi thường giá trị dàn áo xe máy biển số 72G1-686.17 là 3.000.000đ. C và Vũ đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Anh Võ Văn Th xin được nhận lại xe mô tô biển số 60B8-858.98 và giấy đăng ký xe. Nếu không nhận lại được xe thì yêu cầu bị cáo Vũ bồi thường số tiền là 4.000.000đ.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Đinh Công Tr, Nguyễn Công V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Công Tr, Nguyễn Công V về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Công Tr từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Công V từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập, nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với anh Phạm Minh T không biết xe mô tô biển số 72G1-686.17 do bị cáo C để lại nhà là tài sản trộm cắp mà có nên không xử lý đối với anh Tú là có căn cứ.

Đối với hành vi vào ngày 24/01/2022 C và Tr lén lút đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn T nhưng chưa lấy được tài sản, do sợ bị phát hiện nên đã tự ý bỏ về

nên không xử lý hình sự là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh Cẩn 01 xe mô tô biển số 72G1-686.17 và giấy đăng ký xe; Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại Iphone7plus, màu đen; 01 bóp da màu đen và số tiền 1.136.000đ; Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 60B8-858.98 và giấy đăng ký xe để điều tra, xác minh.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo C và Tr bồi thường cho ông T số tiền 8.993.000đ; Buộc bị cáo C và Vũ bồi thường cho anh Cẩn số tiền 3.000.000đ; Buộc bị cáo Vũ bồi thường cho anh Thái số tiền 4.000.000đ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng, các bị cáo trình tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Văn C là đối tượng có tiền án về tội trộm cắp tài sản. Để có tiền tiêu xài cá nhân, C đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn xã HH, huyện XM như sau:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 02 giờ ngày 09/12/2021 Nguyễn Văn C rủ Đinh Công Tr lên lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T số tiền 5.500.000đ và 01 điện thoại Samsung A12 màu đen, trị giá 3.493.000đ. Tổng giá trị tài sản ông T bị chiếm đoạt là 8.993.000đ.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 02 giờ ngày 26/01/2022 bị cáo Nguyễn Văn C rủ

Nguyễn Công V lén lút chiếm đoạt của anh Cao Văn C 01 xe mô tô YAMAHA biển số 72G1-686.17 trị giá 15.650.000đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo C chiếm đoạt là 24.634.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo Tr chiếm đoạt là 8.993.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo Vũ chiếm đoạt là 15.650.000đ đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo C có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, đã tái phạm nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

### [3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tư lợi cá nhân, các bị cáo cố tình thực hiện, bất chấp hậu quả, cho thấy thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Bị cáo C có 02 tiền án chưa được xóa án tích, bị cáo Tr có nhân thân xấu. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

### [4] Về tính chất đồng phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Khi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo C là người rủ rê và là người thực hành, bị cáo Tr và Vũ thực hiện với vai trò cảnh giới.

### [5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo C thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tr và Vũ không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vũ lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

### [6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Công Tr bồi

thường số tiền bị chiếm đoạt và giá trị điện thoại bị chiếm đoạt tổng là 8.993.000đ, các bị cáo đồng ý. Vì vậy, bị cáo C và Tr mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền 4.496.000đ (làm tròn).

Anh Nguyễn Văn Cẩn yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Vũ bồi thường dàn áo xe máy biển số 72G1-686.17 là 3.000.000đ, hai bị cáo đồng ý. Vì vậy bị cáo C và Vũ mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Cẩn số tiền 1.500.000đ.

Anh Võ Văn Th yêu cầu bị cáo Vũ bồi thường số tiền là 4.000.000đ, bị cáo Vũ đồng ý nên buộc bị cáo Vũ phải bồi thường cho anh Thái số tiền 4.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng và biên pháp tư pháp:

Đối với mô tô hiệu Yamaha, biển số 72G1-686.17 và giấy đăng ký xe mô tô biển số 72G1-686.17 là tài sản của anh Cao Văn C nên trả lại cho anh Cẩn.

Đối với xe mô tô hiệu honda, biển số 60B8-858.98 và giấy đăng ký xe mô tô biển số 60B8-858.98 là phương tiện Vũ dùng vào việc phạm tội, sau đó bán lại cho anh Thái. Xét đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Iphone7plus màu đen, 01 ví bóp da màu đen và số tiền 1.136.000đ là tài sản của bị cáo C, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với anh Phạm Minh T không biết xe mô tô biển số 72G1-686.17 do C để lại là tài sản trộm cắp mà có nên không xử lý đối với Tú.

Đối với anh Võ Văn Th khi mua xe mô tô biển số 60B8-858.98 của Vũ không biết Vũ dùng vào việc trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Đối với hành vi của C và Tr đột nhập vào nhà ông T vào ngày 24/01/2022 để trộm cắp nhưng chưa lấy được tài sản sợ bị phát hiện tự ý bỏ về nên không xử lý hình sự là phù hợp.

[9] Về án phí: Các cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Công Tr, Nguyễn Công V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 03/02/2022).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Công Tr 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (03/02/2022).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công V 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (03/02/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho ông Nguyễn Văn T 4.496.000đ (bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng); Bồi thường cho anh Cao Văn C 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng);

Buộc bị cáo Đinh Công Tr bồi thường cho ông Nguyễn Văn T 4.496.000đ (bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng);

Buộc bị cáo Nguyễn Công V bồi thường cho anh anh Cao Văn C 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng); Bồi thường cho anh Võ Văn Th 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Cao Văn C 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 72G1-686.17; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 72G1-686.17.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda, biển số 60B8-858.98 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 60B8-858.98.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) điện thoại Iphone7plus, màu đen; 01 (một) bóp da màu đen; số tiền 1.136.000đ (một triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng).



(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 67/BB, ngày 24/5/2022).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Án phí hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Đinh Công Tr và Nguyễn Công V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng);

Án phí dân sự:

Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng);

Bị cáo Đinh Công Tr phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng);

Bị cáo Nguyễn Công V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện XM;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an huyện XM;
- UBND xã HH, huyện XM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thành**



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	
HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA